

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Anh

Bà Võ Thị Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Khánh V sinh năm 1974 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số Đ33, khu phố 2, phường Xuân B, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số G4, khu phố 2, phường Xuân B, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phương Minh T sinh năm 1970 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số Đ33, khu phố 2, phường Xuân B, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 319, đường Trần P, phường Xuân A, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2019, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn - bà Vũ Thị Khánh V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thị Khánh V và ông Nguyễn Phương Minh T quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng 03 (ba) năm thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng đầu năm 2002. Đến năm 2003, ông bà mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân L, huyện Long K (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/8/2003.

Theo bà V, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài nhưng đến khoảng năm 2009 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên “đi sớm về trễ” nên bà V nghi ngờ ông T có biểu hiện không chung thủy (tuy nhiên bà V không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án). Mặt khác, ông T không “minh bạch” trong việc quản lý kinh tế gia đình dẫn đến việc gây ra “nợ nần” mà bà V hoàn toàn không biết nên vợ chồng thường xuyên lớn tiếng với nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Từ ngày mùng 02 tết âm lịch năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau (bà V và hai con đã về nhà mẹ đẻ của bà V sống), vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay bà V nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phương Minh T.

- Về con chung: Bà V và ông T có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Vũ Khánh P, sinh ngày 24/11/2002 và cháu Nguyễn Vũ Nhật H, sinh ngày 09/4/2015. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà V khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà V khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 22 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa hôn nay, bị đơn - ông Nguyễn Phương Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Phương Minh T và bà Vũ Thị Khánh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân L, huyện Long K (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2003.

Ông T thừa nhận thời gian vợ chồng chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T cũng thừa nhận do ông thường xuyên có những tin nhắn tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài ra, ông T cũng thừa nhận đã gây ra "nợ nần" phải bán nhà để trả nợ nên vợ chồng đã nhiều lần lớn tiếng với nhau làm cho tình cảm vợ chồng có nhiều “rạn nứt”. Vào khoảng đầu năm 2019 (tết âm lịch), bà V đã tự ý đưa hai con về nhà mẹ đẻ của bà V sống cho đến nay, ông T có đến thăm con nhưng vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau. Theo lời khai trước đây, vì ông T là người theo đạo Công giáo nên việc bà V yêu cầu xin ly hôn ông T không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Ông T thừa nhận vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Vũ Khánh P, sinh ngày 24/11/2002 và cháu Nguyễn Vũ Nhật H, sinh ngày 09/4/2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng nếu bà V muốn nuôi con thì ông T đồng ý giao hai con chung cho bà V được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, nếu bà V không muốn nuôi con thì ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phớt biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Vũ Thị Khánh V.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn - bà Vũ Thị Khánh V có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con với bị đơn - ông Nguyễn Phương Minh T (BL 01, 02). Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn - ông T có hộ khẩu thường trú tại phường Xuân B, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai (BL 07) và thường xuyên sinh sống, làm việc tại phường Xuân A, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai (BL 27, 33) nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn,

tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Vũ Thị Khánh V và ông Nguyễn Phương Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân L, huyện Long K (nay thuộc phường Xuân B, thành phố Long K) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/8/2003 (BL 10) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V, nhận thấy: Theo bà V, do vợ chồng không tin tưởng nhau trong việc quản lý kinh tế gia đình, tình cảm vợ chồng có nhiều "rạn nứt" mà không thể hàn gắn được nên từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Vợ chồng cũng không nói chuyện được với nhau để giải quyết mâu thuẫn. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng ông T đều vắng mặt thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà V. Xét thấy, hôn nhân giữa bà V và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà V yêu cầu xin ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét mong muốn đoàn tụ của ông T, nhận thấy: Tại phiên tòa, ông T đã thừa nhận trong thời gian vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T có những tin nhắn tình cảm với người phụ nữ khác và có hành động phất áo tã sản của gia đình (gây ra nợ nần). Từ tết âm lịch năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, ông T có gặp bà V để nói chuyện nhưng vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, ông T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với bà V nên khả năng đoàn tụ là không có, mong muốn đoàn tụ của ông T là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Bà V và ông T có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Vũ Khánh P, sinh ngày 24/11/2002 và cháu Nguyễn Vũ Nhật H, sinh ngày 09/4/2015 (BL 08, 09).

Xét yêu cầu của bà V khi ly hôn được trực tiếp nuôi hai con chung, nhận thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bên đương sự đều thừa nhận hiện hai con chung đang sống cùng với bà V; từ trước đến nay bà V là người trực tiếp chăm sóc cho con chung và nguyện vọng của con chung là được sống với mẹ (BL 40). Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ nên xét cần tiếp tục giao hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung của ông T, nhận thấy: Tại phiên tòa, ông T thừa nhận trong khoảng thời gian vợ chồng không sống chung với nhau ông T không đóng góp chi phí để nuôi con thể hiện ông T là người sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặt khác, yêu cầu của ông T cũng không phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung của ông T là không có cơ sở xem xét nên không được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông T và bà V đều thừa nhận từ đầu năm 2019 cho đến nay bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chăm lo việc học hành cho hai con chung. Xét về điều kiện kinh tế bà V có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Mặt khác, mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật nhưng bà V vẫn không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V và ông T khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 6 và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Vũ Thị Khánh V.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị Khánh V và ông Nguyễn Phương Minh T được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Vũ Khánh P, sinh ngày 24/11/2002 và cháu Nguyễn Vũ Nhật H, sinh ngày 09/4/2015 cho bà Vũ Thị Khánh V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Ông Nguyễn Phương Minh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời ông Nguyễn Phương Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Vũ Thị Khánh V không yêu cầu.

3. Về án phí Bà Vũ Thị Khánh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 009526 ngày 24 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh), tỉnh Đồng Nai. Bà V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T.ĐN;
- VKSND TPLK;
- CC THADS TPLK;
- UBND P.Xuân B, TP.LK, T.ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thùy Trang